

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Hướng dẫn tạm thời về trình tự đăng ký, kê khai
và ký kết hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng”**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 04/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 2284/QĐ-TTg ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 1604/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phân cấp quản lý một số nhiệm vụ cho Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Công văn số 1221/VPCP-KTN ngày 01/03/2012 của Văn phòng Chính phủ V/v chi trả dịch vụ môi trường rừng của các nhà máy thủy điện thuộc EVN và triển khai thực hiện quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Công văn số 636/BNN-TCLN ngày 14/03/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn tạm thời về trình tự đăng ký, kê khai và ký kết hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Tổng cục, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các cấp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Cao Đức Phát (báo cáo);
- Lãnh đạo TCLN;
- Các Sở NN&PTNT;
- Quỹ BV&PTR VN;
- Các Quỹ BV&PTR tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Bá Ngãi

**HƯỚNG DẪN TẠM THỜI
TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI VÀ KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG ỦY THÁC CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-TCLN-KHTC, ngày 21 /3/2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)*

Để thúc đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành “Hướng dẫn tạm thời về trình tự đăng ký, kê khai, ký kết hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng” (viết tắt là DVMTR) để hướng dẫn các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chuyên môn và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện một số nội dung như sau:

Bước 1: Thống kê, rà soát, phân loại và thu thập thông tin chi tiết các cơ sở sử dụng DVMTR

- Làm việc với Cục Thuế, Sở Công thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan đơn vị có liên quan và thông qua các nguồn thông tin khác để nắm danh sách, thông tin cơ bản (nếu có) về các cơ sở sản xuất thủy điện, cung cấp nước sạch và kinh doanh du lịch (gọi chung là cơ sở sử dụng DVMTR).

- Lập danh sách, phân loại các cơ sở sử dụng DVMTR nằm gọn trong tỉnh và danh sách các cơ sở sử dụng DVMTR trong lưu vực liên tỉnh.

- Riêng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện, cần phân loại chi tiết theo từng nhóm đối tượng sau: (1) Các cơ sở thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN); và (2) Các cơ sở không thuộc EVN.

- Tìm hiểu, thu thập các thông tin cơ bản về từng cơ sở sử dụng DVMTR, trong đó gồm: (1) Tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của đơn vị; (2) Tên, số điện thoại, email của Giám đốc và Kế toán trưởng đơn vị; (3) Công suất, sản lượng năm liền kề trước đó và sản lượng dự kiến năm kế hoạch (đối với cơ sở sản xuất điện và cung cấp nước); (4) Doanh thu năm liền kề trước đó và doanh thu dự kiến năm kế hoạch (đối với cơ sở du lịch sinh thái).

- Lập danh sách các cơ sở sử dụng DVMTR phải chi trả tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Bước 2: Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cơ sở sử dụng DVMTR về chính sách chi trả DVMTR

- Chuẩn bị và gửi trước các văn bản, tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chính sách chi trả DVMTR cho đơn vị sử dụng DVMTR;

- Bố trí lịch đến làm việc trực tiếp hoặc tổ chức hội thảo, đào tạo, tập huấn hướng dẫn các nội dung cơ bản của Nghị định 05/2008/NĐ-CP, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hướng dẫn các thủ tục, biểu mẫu đăng ký kê khai, lập kế hoạch và hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR cho các đơn vị sử dụng DVMTR, cụ thể: (1) Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR (*Mẫu số 02*); (2) Hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR (*Mẫu số 01*); (3) Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR (*Mẫu số 03*); (4) Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR (*Mẫu số 04*).

(Chi tiết các biểu mẫu theo Phụ lục số 01 đính kèm)

Bước 3: Xác định ranh giới, diện tích rừng trong từng lưu vực làm căn cứ phân chia tiền chi trả DVMTR

- Đối với các lưu vực liên tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định cụ thể ranh giới, diện tích rừng cho từng tỉnh, làm căn cứ điều phối, phân chia tiền DVMTR được ủy thác chuyển qua Quỹ trung ương;

- Đối với các lưu vực có diện tích rừng nằm gọn trong tỉnh, tỉnh chủ động chỉ đạo các cơ quan chuyên môn điều tra, thống kê, xác định cụ thể ranh giới, diện tích rừng, loại rừng và hiện trạng rừng đến từng chủ rừng.

Bước 4: Xúc tiến đàm phán, ký kết hợp đồng chi trả DVMTR

- Dự kiến số lượng, thành phần Đoàn công tác đi đàm phán, ký kết hợp đồng. Trường hợp cơ sở sử dụng DVMTR thuộc lưu vực liên tỉnh thì phải do Quỹ Trung ương chủ trì;

- Làm văn bản đăng ký lịch và nội dung chương trình làm việc gửi trước cho đơn vị sử dụng DVMTR;

- Gửi trước dự thảo hợp đồng ủy thác và các tài liệu liên quan cho đơn vị sử dụng DVMTR theo đường văn thư và qua thư điện tử (email);

- Đến cơ sở sử dụng DVMTR để trao đổi, đàm phán, ký kết hợp đồng;

- Trường hợp Phó Giám đốc đứng tên ký hợp đồng, thì phải có văn bản ủy quyền của Giám đốc.

Bước 5: Theo dõi, đôn đốc và giám sát quá trình thực hiện chi trả

DVMTR theo hợp đồng đã ký kết

- Căn cứ hồ sơ, tài liệu đăng ký, kê khai và ký kết với bên sử dụng DVMTR (Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR, Hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR và Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR), Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tổ chức mở sổ sách theo dõi, cập nhật đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện kê khai, thanh toán chuyển trả và công nợ của các đơn vị sử dụng DVMTR;

- Cuối năm, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh yêu cầu đơn vị sử dụng DVMTR lập và gửi Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR; trên cơ sở đó, lập bản đối chiếu công nợ ký kết xác nhận giữa hai bên

Trên đây là nội dung hướng dẫn tạm thời các bước tiến hành đăng ký, kê khai và ký kết hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng. Trong quá trình thực hiện, nếu có các vướng mắc phát sinh, đề nghị các địa phương phản ánh kịp thời về Tổng cục Lâm nghiệp (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để được xem xét, giải quyết và kịp thời bổ sung hoàn thiện hướng dẫn./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Bá Ngãi

Phụ lục số 01
HỆ THỐNG BIỂU MẪU PHỤC VỤ ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI VÀ KÝ KẾT HỢP
ĐỒNG ỦY THÁC CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

*(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-TCLN-KHTC, ngày 21 /3/2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)*

Biểu mẫu 1. Mẫu hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR.....	7
Biểu mẫu 2. Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR	16
Biểu mẫu 3. Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR.....	17
Biểu mẫu 4. Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR	18

Biểu mẫu 1. Mẫu hợp đồng ủy thác chi trả tiền DVMTR

*(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-TCLN-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biểu mẫu số 1a

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

(Áp dụng đối với bên sử dụng DVMTR là cơ sở sản xuất thủy điện)

Số:...../HĐUT-DVMTR/20...

- Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Hôm nay, ngày tháng năm 20... tại, chúng tôi gồm:

Bên A. Bên ủy thác: *(Tổ chức/ cá nhân sử dụng DVMTR)*

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Tại:

Mã số thuế:

Bên B. Bên nhận ủy thác: *(Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng)*

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Tại:

Hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng với các điều, khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Nội dung công việc ủy thác

a) Bên A ủy thác cho bên B trả tiền DVMTR cho các đối tượng cung ứng DVMTR đối với các loại DVMTR sau: (i) Bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; (ii) Điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện.

b) Đặc điểm khu rừng cung ứng DVMTR cho Bên A:

Diện tích rừng cung ứng DVMTR thuộc địa bàn tỉnh ha

2. Thời gian bắt đầu chi trả và số tiền chi trả DVMTR ủy thác:

- Thời gian bắt đầu chi trả: từ ngày 01/01/2011 *(đối với những trường hợp bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đi vào hoạt động sau ngày 01/01/2011 thì thời điểm bắt đầu chi trả được tính từ ngày đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh)*

- Mức chi trả và xác định số tiền phải chi trả theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

- Trường hợp Bên A trả thiếu hoặc chậm trả tiền DVMTR theo thời gian được qui định tại hợp đồng, các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải nộp trả cả tiền lãi phát sinh từ số tiền trả thiếu hoặc chậm trả theo thời gian trả thiếu hoặc trả chậm với mức lãi bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng thương mại nơi bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng mở tài khoản công bố trong cùng kỳ của thời gian trả thiếu hoặc trả chậm.

3. kê khai, phương thức và kỳ hạn chi trả:

a) kê khai:

- Trước ngày 15/7 hàng năm, Bên A nộp Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR cho Bên B cho năm tiếp theo theo biểu mẫu số 2 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Bên A lập Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR gửi cho Bên B theo biểu mẫu số 3 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

- Chậm nhất 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Bên A lập Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR gửi cho Bên B theo biểu mẫu số 4 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

b) Phương thức chi trả: Bên A chuyển khoản tiền DVMTR vào tài khoản của bên B.

c) Kỳ hạn chi trả:

Bên A chuyển trả cho bên B:

(Chuyển theo từng quý, thời gian chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; thời gian chi trả quý IV của năm chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Riêng số tiền chi trả từ ngày 01/01/2011 đến thời điểm ký hợp đồng (hiện tại) được Bên A chuyển một lần vào tài khoản của Bên B trong vòng 1 tháng tính từ ngày hợp đồng ủy thác này có hiệu lực).

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

Quyền, nghĩa vụ của Bên A được quy định tại Điều 19 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a) Quyền hạn

- Đại diện các chủ rừng có diện tích rừng tham gia cung ứng DVMTR cho bên A ký hợp đồng và nhận tiền ủy thác chi trả DVMTR của bên A;

- Được bên A ủy thác chi trả tiền sử dụng DVMTR đầy đủ và đúng kỳ hạn;

- Được quyền yêu cầu bên A thực hiện việc chi trả tiền DVMTR đầy đủ và đúng hạn.

- Được yêu cầu Bên A giải trình về việc tự kê khai quyết toán tiền chi trả DVMTR.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện việc chi trả ủy thác tiền DVMTR cho các đối tượng cung ứng DVMTR theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP *(đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)* hoặc thực hiện điều phối số tiền chi trả dụng dịch vụ môi trường rừng cho Quỹ cấp tỉnh theo diện tích lưu vực của từng tỉnh *(đối với Quỹ trung ương)*; Thông báo cho Bên A tình hình thực hiện chi trả ủy thác.

- Trường hợp sử dụng không đúng mục đích tiền chi trả DVMTR thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thông báo cho Bên A kết quả bảo vệ rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng sau khi nhận được thông báo của cơ quan nghiệm thu.

Điều 3. Thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng này là hợp đồng không thời hạn, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Điều 4. Trường hợp bất khả kháng

1. Đối với Bên A: xử lý theo quy định tại Thông tư số 80/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Đối với Bên B: được miễn trừ trách nhiệm trong các trường hợp xảy ra thiệt hại hoặc vi phạm hợp đồng do sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu xảy ra tranh chấp, các Bên sẽ cùng nhau tiến hành giải quyết qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được một trong hai Bên có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền là căn cứ để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp một trong hai Bên không chấp nhận Quyết định của cơ quan thẩm quyền thì trong vòng 15 ngày sau khi nhận được Quyết định có quyền khởi kiện ra Tòa án hành chính hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết nhưng phải thông báo cho Bên kia biết trước khi khởi kiện. Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng các Bên có nghĩa vụ phải thi hành.

Điều 6. Điều khoản cuối cùng.

1. Hai Bên thống nhất thông qua tất cả các điều khoản trên của bản Hợp đồng, cam kết thực hiện thực hiện tốt các thỏa thuận trong bản hợp đồng này và các quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ.

2. Hợp đồng được lập thành 05 bản tiếng Việt, mỗi bản có trang. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản, 01 bản được gửi Tổng cục Lâm nghiệp/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, giám sát thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**HỢP ĐỒNG ỦY THÁC CHI TRẢ TIỀN
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

(Áp dụng đối với bên sử dụng DVMTR là cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch)

Số:...../HĐUT-DVMTR/20...

- Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Hôm nay, ngày Tháng năm 20... tại, chúng tôi gồm:

Bên A. Bên ủy thác: *(Tổ chức/ cá nhân sử dụng DVMTR)*

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Tại:

Mã số thuế:

Bên B. Bên nhận ủy thác: *(Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng)*

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Tại:

Hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng với các điều, khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Nội dung công việc ủy thác: Bên A ủy thác cho bên B trả tiền DVMTR cho các đối tượng cung ứng DVMTR đối với loại DVMTR *điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch*.

2. Thời gian bắt đầu chi trả và số tiền chi trả DVMTR ủy thác:

- Thời gian bắt đầu chi trả: từ ngày 01/01/2011 *(đối với những trường hợp bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đi vào hoạt động sau ngày 01/01/2011 thì thời điểm bắt đầu chi trả được tính từ ngày đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh)*

- Mức chi trả và xác định số tiền phải chi trả theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

- Trường hợp Bên A trả thiếu hoặc chậm trả tiền DVMTR theo thời gian được qui định tại hợp đồng, các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải nộp trả cả tiền lãi phát sinh từ số tiền trả thiếu hoặc chậm trả theo thời gian trả thiếu hoặc trả chậm với mức lãi bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng thương mại nơi bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng mở tài khoản công bố trong cùng kỳ của thời gian trả thiếu hoặc trả chậm.

3. kê khai, Phương thức và kỳ hạn chi trả:

a) Kê khai:

- Trước ngày 15/7 hàng năm, Bên A nộp Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR cho Bên B cho năm tiếp theo theo biểu mẫu số 2 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Bên A lập Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR gửi cho Bên B theo biểu mẫu số 3 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

- Chậm nhất 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Bên A lập Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR gửi cho Bên B theo biểu mẫu số 4 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

b) Phương thức chi trả: Bên A chuyển tiền chi trả DVMTR vào tài khoản của bên B.

c) Kỳ hạn chi trả: Bên A chuyển trả cho bên B:

(Chuyển theo từng quý, thời gian chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; thời gian chi trả quý IV của năm chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Riêng số tiền chi trả từ ngày 01/01/2011 đến thời điểm ký hợp đồng (hiện tại) được Bên A chuyển một lần vào tài khoản của Bên B trong vòng 1 tháng tính từ ngày hợp đồng ủy thác này có hiệu lực).

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

Quyền, nghĩa vụ của Bên A được quy định tại Điều 19 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a) Quyền hạn

- Đại diện các chủ rừng có diện tích rừng tham gia cung ứng DVMTR cho bên A ký hợp đồng và nhận tiền ủy thác chi trả DVMTR của bên A;

- Được bên A ủy thác chi trả tiền sử dụng DVMTR đầy đủ và đúng kỳ hạn;

- Được yêu cầu bên A thực hiện việc chi trả tiền DVMTR đầy đủ và đúng hạn.

- Được yêu cầu Bên A giải trình về việc tự kê khai quyết toán tiền chi trả DVMTR.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện việc chi trả ủy thác tiền DVMTR cho các đối tượng cung ứng DVMTR theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP *(đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)* hoặc thực hiện điều phối số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho Quỹ cấp tỉnh theo diện tích lưu vực của từng tỉnh *(đối với Quỹ trung ương)*; Thông báo cho Bên A tình hình thực hiện chi trả ủy thác.

- Trường hợp sử dụng không đúng mục đích tiền chi trả DVMTR thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng này là hợp đồng không thời hạn, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Điều 4. Trường hợp bất khả kháng

1. Đối với Bên A: xử lý theo quy định tại Thông tư số 80/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Đối với Bên B: được miễn trừ trách nhiệm trong các trường hợp xảy ra thiệt hại hoặc vi phạm hợp đồng do sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu xảy ra tranh chấp, các Bên sẽ cùng nhau tiến hành giải quyết qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được một trong hai Bên có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền là căn cứ để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp một trong hai Bên không chấp nhận Quyết định của cơ quan thẩm quyền thì trong vòng 15 ngày sau khi nhận được Quyết định có quyền khởi kiện ra Tòa án hành chính hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết nhưng phải thông báo cho Bên kia biết trước khi khởi kiện. Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng các Bên có nghĩa vụ phải thi hành.

Điều 6. Điều khoản cuối cùng.

1. Hai Bên thống nhất thông qua tất cả các điều khoản trên của bản Hợp đồng, cam kết thực hiện thực hiện tốt các thỏa thuận trong bản hợp đồng này và các quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ.

2. Hợp đồng được lập thành 05 bản tiếng Việt, mỗi bản có trang. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản, 01 bản được gửi Tổng cục Lâm nghiệp/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, giám sát thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**HỢP ĐỒNG ỦY THÁC CHI TRẢ TIỀN
DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

(Áp dụng đối với bên sử dụng DVMTR là tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch)

Số:...../HĐUT-DVMTR/20...

- Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Hôm nay, ngày tháng năm 20... tại, chúng tôi gồm:

Bên A. Bên ủy thác: *(Tổ chức/cá nhân sử dụng DVMTR)*

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Tại:

Mã số thuế:

Bên B. Bên nhận ủy thác: *(Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng)*

Ông/Bà: Chức vụ:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Tại:

Hai bên cùng nhau thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng với các điều, khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Nội dung công việc ủy thác: Bên A ủy thác cho bên B trả tiền DVMTR cho các đối tượng cung ứng DVMTR đối với loại DVMTR về *bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ du lịch*.

2. Thời gian bắt đầu chi trả và số tiền chi trả DVMTR ủy thác:

- Thời gian bắt đầu chi trả: từ ngày 01/01/2011 *(đối với những trường hợp bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng đi vào hoạt động sau ngày 01/01/2011 thì thời điểm bắt đầu chi trả được tính từ ngày đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh)*

- Mức chi trả và xác định số tiền phải chi trả theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

- Trường hợp Bên A trả thiếu hoặc chậm trả tiền DVMTR theo thời gian được qui định tại hợp đồng, các đối tượng sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải nộp trả cả tiền lãi phát sinh từ số tiền trả thiếu hoặc chậm trả theo thời gian trả thiếu hoặc trả chậm với mức lãi bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng thương mại nơi bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng mở tài khoản công bố trong cùng kỳ của thời gian trả thiếu hoặc trả chậm.

3. kê khai, Phương thức và kỳ hạn chi trả:

a) Kê khai:

- Trước ngày 15/7 hàng năm, Bên A nộp Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR cho Bên B cho năm tiếp theo theo biểu mẫu số 2 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Bên A lập Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR gửi cho Bên B theo biểu mẫu số 3 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

- Chậm nhất 45 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Bên A lập Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR gửi cho Bên B theo biểu mẫu số 4 đính kèm Quyết định số ... /QĐ-TCLN-KHTC.

b) Phương thức chi trả: Bên A chuyển khoản tiền DVMTR vào tài khoản của bên B.

c) Kỳ hạn chi trả:

Bên A chuyển trả cho bên B:

(Chuyển theo từng quý, thời gian chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; thời gian chi trả quý IV của năm chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Riêng số tiền chi trả từ ngày 01/01/2011 đến thời điểm ký hợp đồng (hiện tại) được Bên A chuyển một lần vào tài khoản của Bên B trong vòng 1 tháng tính từ ngày hợp đồng ủy thác này có hiệu lực).

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

Quyền, nghĩa vụ của Bên A được quy định tại Điều 19 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a) Quyền hạn

- Đại diện các chủ rừng có diện tích rừng tham gia cung ứng DVMTR cho bên A ký hợp đồng và nhận tiền ủy thác chi trả DVMTR của bên A;

- Được bên A ủy thác chi trả tiền sử dụng DVMTR đầy đủ và đúng kỳ hạn;

- Được yêu cầu bên A thực hiện việc chi trả tiền DVMTR đầy đủ và đúng hạn.

- Được yêu cầu Bên A giải trình về việc tự kê khai quyết toán tiền chi trả DVMTR.

b) Nghĩa vụ:

- Thực hiện việc chi trả ủy thác tiền DVMTR theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp sử dụng không đúng mục đích tiền chi trả DVMTR thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng này là hợp đồng không thời hạn, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Điều 4. Trường hợp bất khả kháng

1. Đối với Bên A: xử lý theo quy định tại Thông tư số 80/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Đối với Bên B: được miễn trừ trách nhiệm trong các trường hợp xảy ra thiệt hại hoặc vi phạm hợp đồng do sự kiện bất khả kháng.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu xảy ra tranh chấp, các Bên sẽ cùng nhau tiến hành giải quyết qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được một trong hai Bên có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền là căn cứ để giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp một trong hai Bên không chấp nhận Quyết định của cơ quan thẩm quyền thì trong vòng 15 ngày sau khi nhận được Quyết định có quyền khởi kiện ra Tòa án hành chính hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết nhưng phải thông báo cho Bên kia biết trước khi khởi kiện. Quyết định của toà án là quyết định cuối cùng các Bên có nghĩa vụ phải thi hành.

Điều 6. Điều khoản cuối cùng.

1. Hai Bên thống nhất thông qua tất cả các điều khoản trên của bản Hợp đồng, cam kết thực hiện thực hiện tốt các thỏa thuận trong bản hợp đồng này và các quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ.

2. Hợp đồng được lập thành 05 bản tiếng Việt, mỗi bản có trang. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản, 01 bản được gửi Tổng cục Lâm nghiệp/Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, giám sát thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu mẫu 2. Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền chi trả DVMTR
(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-TCLN-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH NỘP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Năm

Tên cơ sở sử dụng DVMTR:

Địa chỉ trụ sở:.....Huyện/Quận.....Tỉnh/Thành phố.....

Điện thoại:..... Fax:..... Số tài khoản: tại Ngân hàng

Đăng ký nộp tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Quỹ

STT	Dự kiến sản lượng, doanh thu năm đăng ký kế hoạch			Mức chi trả	Số tiền chi trả DVMTR (triệu đồng)		
	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối/số lượng		Năm trước	Ước thực hiện năm hiện hành	Kế hoạch năm
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=4*5]
1	Sản lượng điện thương phẩm	Kwh		20đ			
2	Sản lượng nước thương phẩm	M ³		40đ			
3	Doanh thu (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ rừng)	Triệu đồng		1-2%			

....., ngày.....tháng.....năm.....

Nơi nhận:

- Quỹ BV&PTR (VN/tỉnh...)
- Lưu: VT.

Người đại diện cơ sở sử dụng DVMTR
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)

Biểu mẫu 3. Bản kê khai nộp tiền chi trả DVMTR

(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-TCLN-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI NỘP TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Kỳ nộp tiền: Quýnăm 20...

Tên cơ sở sử dụng DVMTR:.....

Địa chỉ trụ sở:.....Quận/huyện.....Tỉnh/thành phố.....

Điện thoại:..... **Fax:**..... **Số tài khoản:** tại Ngân hàng

STT	Dự kiến sản lượng hoặc doanh thu kê khai Quý			Mức chi trả	Số tiền chi trả DVMTR (triệu đồng)		
	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Khối/số lượng		Phải nộp	Được miễn, giảm	Thực phải nộp
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8=6-7]
1	Sản lượng điện thương phẩm	Kwh		20đ			
2	Sản lượng nước thương phẩm	M ³		40đ			
3	Doanh thu (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ rừng)	Triệu đồng		1-2%			

Nơi nhận:

- Quỹ BV&PTR (VN/tỉnh...);
- Lưu: VT.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đại diện cơ sở sử dụng DVMTR
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức vụ)

Biểu mẫu 4. Tờ khai tự quyết toán tiền chi trả DVMTR

(Kèm theo Quyết định số: 119/QĐ-TCLN-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2012
của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TỰ QUYẾT TOÁN TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Kỳ quyết toán: năm 20....

Tên cơ sở sử dụng DVMTR:.....

Địa chỉ trụ sở: Quận/huyện Tỉnh/thành phố

Điện thoại:..... Fax:..... Số tài khoản: tại Ngân hàng

STT	Sản lượng hoặc doanh thu để tính tiền chi trả DVMTR năm			Mức chi trả	Số tiền chi trả DVMTR trong năm (triệu đồng)			
	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Khối/số lượng		Phải nộp	Đã nộp	Được miễn, giảm	Còn phải nộp
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]	[8]	[9=6-7-8]
1	Sản lượng điện thương phẩm	Kwh		20đ				
2	Sản lượng nước thương phẩm	M ³		40đ				
3	Doanh thu (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ rừng)	Triệu đồng		1-2%				

Nơi nhận:

- Quỹ BV&PTR (VN/tỉnh...);
- Lưu: VT.

Ngày tháng năm

Người đại diện cơ sở sử dụng DVMTR

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu)